

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0172007 - Thực hành trắc địa
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Khắc Phương	Quang	3671041535	10/09/1994		8,00	8,00	
2	Lưu Văn	Long	3671041560	01/01/1994		7,00	7,00	
3	Đặng Hữu	Tiền	3671041569	07/11/1993		9,00	9,00	
4	Tô Thái	Viễn	3671041571	14/08/1994		8,00	8,00	
5	Nguyễn Hùng Gia	Uy	3671041574	22/11/1994		8,00	8,00	
6	Hoàng Đình	Linh	3671041579	30/08/1994		7,00	7,00	
7	Trương Mạnh	Cường	3671041608	11/01/1994		8,00	8,00	
8	Nguyễn Công	Thành	3671041616	23/11/1993		7,00	7,00	
9	Lương Anh	Tiến	3671041621	02/04/1994		7,00	7,00	
10	Lê Quốc	Thịnh	3671041622	26/12/1994		7,00	7,00	
11	Hồ Thế	Kiệt	3671041625	22/12/1993		8,00	8,00	
12	Nguyễn Hoàng	Tú	3671041635	12/02/1994		9,00	9,00	
13	Lê Ngọc	Thông	3671041639	28/10/1994		9,00	9,00	
14	Đàm Văn	Sơn	3671041642	01/02/1994		9,00	9,00	
15	Nguyễn Thanh	Quân	3671041647	21/03/1994		8,00	8,00	
16	Nguyễn Hữu	Tiến	3671041652	22/08/1994		,00	,00	Nợ HP
17	Phạm Ngọc	Tuân	3671041653	10/07/1992		7,00	7,00	
18	Lê Bảo	Huy	3671041656	11/06/1994		9,00	9,00	
19	Hoàng	Đạt	3671041659	25/09/1993		7,00	7,00	
20	Tô Thanh	Tuấn	3671041662	20/07/1993		8,00	8,00	
21	Huỳnh Quang	Hiếu	3671041673	23/04/1994		7,00	7,00	
22	Trần Chí	Thiện	3671041829	04/05/1994		8,00	8,00	
23	Dương Ngọc	Tiến	3671041830	16/10/1994		9,00	9,00	
24	Huỳnh Xuân	Hoàng	3671041831	31/01/1994		8,00	8,00	
25	Trương Đình Bảo	Duy	3671041835	05/10/1994		7,00	7,00	
26	Vương Huỳnh	Triều	3671041837	13/12/1994		8,00	8,00	
27	Trịnh Hữu	Ý	3671041845	06/01/1994		8,00	8,00	Nợ HP
28	Hoàng Minh	Tài	3671041856	20/08/1994		8,00	8,00	
29	Nguyễn Văn	Chắt	3671041880	01/01/1993		9,00	9,00	
30	Tô Minh	Quý	3671041885	07/12/1994		7,00	7,00	
31	Lê Văn	Khanh	3671041888	12/07/1993		7,00	7,00	
32	Võ Văn	Vinh	3671041893	08/03/1993		8,00	8,00	
33	Đặng Bá	Thi	3671041901	06/09/1994		7,00	7,00	
34	Trần Quốc	Dũng	3671041904	06/08/1994		,00	,00	Nợ HP
35	Nguyễn Văn	Hiếu	3671041923	02/06/1994		7,00	7,00	Nợ HP

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Phước	Huy	3671041926	16/05/1994		7,00	7,00	
37	Cao Văn	Dũng	3671041927	14/07/1993		7,00	7,00	
38	Trần Trung	Hiếu	3671041929	11/11/1994		8,00	8,00	
39	Nguyễn Văn	Sang	3671041930	06/06/1992		7,00	7,00	
40	Hoàng Minh	Hải	3671041932	12/04/1994		7,00	7,00	
41	Nguyễn Sỹ	Vũ	3671041951	17/03/1992		8,00	8,00	
42	Trần Quốc	Việt	3671041959	30/03/1994		8,00	8,00	
43	Nguyễn Thành	Hiếu	3671041971	11/10/1992		7,00	7,00	
44	Võ Thành	Uyên	3671041985	10/04/1994		8,00	8,00	Nợ HP
45	Nguyễn Văn	Sinh	3671041998	25/09/1994		7,00	7,00	
46	Trần Xuân	Dương	3671042018	08/02/1993		8,00	8,00	Nợ HP
47	Lê Nhựt	Tân	3671042031	06/10/1994		,00	,00	Nợ HP
48	Xanh Phôi	Linh	3671042045	10/11/1993		9,00	9,00	Nợ HP

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)